

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HSST

Ngày: 15/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đang.

2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thạc sĩ Toà án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Dương Phước An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 316/2022/TLST - HS ngày 30 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Hồ Bảo Q (*tên gọi khác: Rin*), sinh ngày 05/01/1990, tại tỉnh T. Nơi cư trú: Số 07/92 Nguyễn Lộ Trạch, phường X, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Đ và bà Cao Thị Thanh H (Chết). Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Lúc nhỏ và lớn lên sống cùng gia đình tại phường X, thành phố H, tỉnh T, học văn hóa đến lớp 12/12 thì nghỉ học, sau đó học Trường Cao đẳng Sư phạm H. Năm 2012, làm chuyên viên hợp đồng tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T, đến tháng 10/2014 thì nghỉ làm ở nhà phụ giúp gia đình.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2022 cho đến nay - Có mặt.

Bị hại:

1/ Ông Hoàng Hữu M, sinh năm 1990. Địa chỉ: 03 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh T - Có mặt.

2/ Bà Lê Thị Ái C, sinh năm 1967. Địa chỉ: 02/7 T, phường X, thành phố H, tỉnh T - Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: 07/92 Nguyễn Lộ Trạch, phường X, thành phố H, tỉnh T - Có mặt.

+ Anh Lê Thành L, sinh năm 1990. Địa chỉ: 02/7 T, phường X, thành phố H, tỉnh T - Có mặt.

+ Anh Lê Thành L1, sinh năm 1992. Địa chỉ: 02/7 T, phường X, thành phố H, tỉnh T - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 05 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021, tại địa bàn thành phố H, Hồ Bảo Q tuy không có khả năng làm Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*) nhưng vẫn tự giới thiệu mình trước đây công tác tại Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh T, có nhiều mối quan hệ, nắm rõ các thủ tục hành chính về việc cấp “*Sổ hồng*”, “*Sổ đỏ*” nên đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật là sẽ làm được Giấy chứng nhận, để các bị hại là anh Hoàng Hữu M và bà Lê Thị Ái C tin tưởng giao tiền và hồ sơ cho Q để nhờ làm Giấy Chứng nhận. Nhưng sau khi nhận được tiền Q không không nộp hồ sơ, không làm Giấy chứng nhận và chiếm đoạt số tiền đã nhận, sử dụng vào việc cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào tháng 05/2021, anh Hoàng Hữu M (sinh năm 1990) gặp lại bạn học cũ là Hồ Bảo Q, khi nói chuyện anh M có đề cập đến việc nhà có lô đất nhưng chưa làm giấy tờ và hỏi Q có quen biết ai để nhờ giúp. Q liền nói trước đây có làm tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T có quen biết nhiều người làm bên Trung tâm hành chính công thành phố H và nhận làm giúp. Q sẽ giúp anh M hoàn thiện hồ sơ và ra được Giấy chứng nhận với số tiền thỏa thuận là 90.000.000 đồng, anh M đồng ý. Vào ngày 20/5/2021, anh M đưa toàn bộ giấy tờ liên quan đến thửa đất số 122, tờ bản đồ số 24, diện tích 424.8m² tọa lạc tại địa chỉ số 03 Đ, phường Phú Bình (nay là phường T), thành phố H, tỉnh T để Q làm thủ tục, bao gồm: Bản vẽ hiện trạng nhà đất năm 2018, giấy chứng tử của chủ sở hữu đất là ông cố Hoàng Hữu Hình, giấy chứng tử của ông nội Hoàng Hữu Kỳ và bà Trương Thị Đạt; các tờ giấy đồng thuận không tranh chấp của con cái liên quan thửa đất;...để sang tên cho người đại diện thừa kế là ông Hoàng Hữu N. Đến ngày 01/6/2021, Q yêu cầu anh M chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng do Q cung cấp với lý do để liên hệ nộp bên thuế trước nên anh M đồng ý. Sau khi nhận hồ sơ, Q nói với anh M sẽ trực tiếp đi xác minh, làm các thủ tục đến khi ra bản vẽ đất là xong xuôi nên anh M tin tưởng hoàn toàn và nhiều lần chuyển tiền vào các số tài khoản do Q cung cấp. Đến khoảng tháng 07/2021, Q

thông báo hồ sơ đã làm xong và nói anh M đến làm đơn xin đo đạc đất đai để ra trích lục nữa là hoàn thành. Q dẫn anh M đến Văn phòng đăng ký đất đai, Minh trực tiếp nộp hồ sơ và đóng lệ phí đề nghị đo đạc diện tích đất. Sau khi nộp đơn xong, cán bộ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H về đo đạc diện tích đất và Q cũng có mặt. Sau khi nhận được sự tin tưởng từ anh M, Q viện lý do là chi phí làm sổ phát sinh nên nâng số tiền thoả thuận từ 90.000.000 đồng lên 170.000.000 đồng, anh M đồng ý. Theo thoả thuận, từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021, anh M đã chuyển cho Hồ Bảo Q tổng số tiền là 169.610.000 đồng. Trong khoảng thời gian này, anh M hỏi Q về việc cấp sổ đỏ thì Q nói là hồ sơ đã hoàn thành. Vào ngày 23/7/2021, Q có gửi cho anh M xem 01 (một) bản mô tả ranh giới, mốc giới nhưng chỉ 01 (một) mặt để anh M xem và kiểm tra lại, sau đó Q nói với anh M sẽ đi đóng dấu xác nhận hoàn thành. Tiếp đó vào ngày 21/9/2021, Q có gửi qua tin nhắn Facebook “*Đế chế đêm*” của Q cho anh M xem hình ảnh Giấy chứng nhận mang tên chủ sở hữu là ông Hoàng Hữu N (bố Minh), để anh M tin tưởng và Q hẹn đến ngày 21/10/2021 sẽ có Giấy chứng nhận. Đến hẹn, anh M không nhận được Giấy chứng nhận như đã hẹn nên đã liên hệ Q nhưng Q trốn tránh, không liên lạc được.

*Theo công văn số 4306 ngày 28/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xác nhận: ngày 19/7/2021, Chi nhánh có tiếp nhận hồ sơ đề nghị đo đạc lập bản vẽ hiện trạng nhà, đất của ông Hoàng Hữu N tại thửa đất trên. Theo đó, ngày 22/7/2021, Chi nhánh đã có Giấy mời đại diện Ủy ban nhân dân phường T và người sử dụng đất, quản lý đất liên quan và liên hệ phối hợp dẫn đạc để đo đạc hiện trạng thửa đất nêu trên theo đề nghị của ông N và đã chuyển Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất đến chủ sử dụng đất để liên hệ Ủy ban nhân dân phường T ký xác nhận. Tuy nhiên đến nay Chi nhánh vẫn chưa nhận lại Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (BL: 33)

Vụ thứ 2: Cũng bằng thủ đoạn như trên, vào khoảng tháng 7/2021, Q gặp bạn học cũ là Lê Thành L (sinh năm: 1990). Do trước đó anh Hoàng Hữu M giới thiệu với anh L là Q đang nhận làm Giấy chứng nhận và anh L cũng có nhu cầu làm Giấy chứng nhận của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 35, diện tích 118.2 m² tọa lạc tại 2/7 Trường Chinh, phường Xuân Phú, thành phố H nên nhờ Q giúp, Q đồng ý. L dẫn Q về nhà gặp mẹ mình là bà Lê Thị Ái C (sinh năm 1967) để thỏa thuận làm giấy tờ. Bà C nói mục đích của gia đình là cấp sổ đỏ của thửa đất trên do bố mẹ chồng tên là Lê C và Chế Thị H để lại cho ông Lê Mộng Trí nhưng chưa làm được. Q nói với bà C là mình có nhiều mối quan hệ và chắc chắn sẽ làm được với chi phí là 120.000.000 đồng nên bà C đồng ý. Sau khi thống nhất, ngày 07/7/2021, Q nói bà C đưa số tiền 20.000.000 đồng để làm thủ tục xác

minh giấy tờ. Tiếp đó vào ngày 10/7/2021 cũng với lý do làm giấy tờ Q nhận thêm của bà Cơ 20.000.000 đồng. Sau khi nhận 40.000.000 đồng Q nói với bà Cơ hồ sơ đã xác minh xong chỉ liên hệ người về đo đạc nữa là được. Để bà Cơ không nghi ngờ, Q dẫn chồng bà Cơ là Lê Mộng T đến nộp hồ sơ đề nghị đo đạc tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế trực tiếp nộp hồ sơ và đóng phí. Ngày 13/7/2021, Cán bộ địa chính đến đo đạc và Q cũng có mặt. Sau khi tạo được niềm tin Q có cầm 01(một) bản mô tả ranh giới, mốc giới để đưa cho bà Cơ xem và cho các hộ liên kề ký. Vào ngày 15/7/2021, Q nói hồ sơ đã nộp và cần chi phí để hoàn tất thủ tục ra sổ đỏ và nhận thêm của bà Cơ 60.000.000 đồng, ngày 24/7/2021 Q tiếp tục nhận thêm của bà Cơ số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi nhận tổng số tiền 120.000.000 đồng, Q không làm giấy tờ như đã hứa mà dùng tiêu xài cá nhân hết. Khi bà Cơ hỏi Q về việc có Giấy chứng nhận chưa thì Q nói còn nộp tiền thuế 30.000.000 đồng nữa là lấy sổ về, bà Cơ tin tưởng nên đã đưa Q thêm 30.000.000 đồng. Đợi lâu không thấy kết quả nên bà Cơ tiếp tục hỏi Q, Q viện nhiều lý do để kéo dài, xin thêm chi phí nhưng bà Cơ không đồng ý. Sau đó, Q liên lạc với anh Lê Thành L và gửi hình ảnh Giấy chứng nhận giả thông qua tin nhắn Zalo cho anh L xem. Q nói với anh L là còn thiếu số tiền 30.000.000 đồng nữa để lấy sổ về, anh L thấy vậy nên tin tưởng và nói em trai mình là Lê Thành L (sinh năm 1992) đưa thêm tổng số tiền 30.700.000 đồng cho Q. Toàn bộ số tiền 180.700.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu bảy trăm ngàn đồng), Q nhận từ gia đình bà Cơ đều sử dụng vào tiêu xài cá nhân hết. Đến hẹn, bà Cơ không nhận được Giấy chứng nhận như đã hứa nên đã liên hệ với Q nhưng Q trốn tránh, không liên lạc được.

*Theo công văn số 4440 ngày 01/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xác nhận: ngày 08/7/2021, Chi nhánh có tiếp nhận hồ sơ đề nghị đo đạc lập bản vẽ hiện trạng nhà, đất của ông Lê Mộng Trí tại thửa đất trên; Theo đó, ngày 14/7/2021, Chi nhánh đã có Giấy mời đại diện UBND phường X và người sử dụng đất, quản lý đất liên quan và liên kề phối hợp dẫn đạc để đo đạc hiện trạng thửa đất nêu trên theo đề nghị của ông Trí. Tuy nhiên đến nay Chi nhánh vẫn chưa nhận lại Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất nên chưa lập Bản vẽ hiện trạng nhà đất đối với thửa đất nêu trên và cũng chưa thu tiền lệ phí đo đạc.

Biết không che dấu được hành vi phạm tội của mình nên ngày 22/10/2021 Hồ Bảo Q đã đến Công an phường X, thành phố H tự thú.

Theo công văn số 2353 ngày 13/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thừa Thiên Huế xác định từ tháng 10/2012 đến tháng 10/2014, Trung tâm Công nghệ thông tin có ký hợp đồng lao động với Hồ Bảo Q vào công tác tại Phòng

thông tin với chức danh chuyên môn là Kỹ thuật viên (Cao đẳng quản lý đất đai). Đơn vị này không có chức năng, nhiệm vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình điều tra, truy tố xác định bị can Q phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên. Q tự nguyện ra tự thú, thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại.

** Vật chứng thu giữ:*

- 01 (một) giấy nhận tiền mặt trước đề ngày 07/7/2021 viết bằng bút mực trên giấy 04 ô ly, ký ghi họ tên người làm đơn Lê Thành L, người nhận tiền Hồ Bảo Q; mặt sau đề giấy nhận tiền ngày 15/7/2021 ký ghi họ tên người làm đơn Lê Thị Ái Cơ, người nhận tiền Hồ Bảo Q;

- 01 (một) giấy nhận tiền mặt trước đề ngày 10/7/2021 viết bằng bút mực trên giấy 04 ô ly, ký ghi họ tên người làm đơn Lê Thành L, người nhận tiền Hồ Bảo Q; mặt sau đề giấy nhận tiền ngày 24/7/2021 ký ghi họ tên người nhận tiền Hồ Bảo Q;

- 11 (Mười một) tờ photo tài liệu liên quan thửa đất số 19 tờ bản đồ số 35, toạ lạc 02/7 T mà bà Cơ đưa cho Q làm thủ tục (BL: 114-125)

- 09 (Chín) tờ bản phô tô giao dịch chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng với nhiều số tiền và nhiều số tài khoản khác nhau do anh Lê Thành L cung cấp.

- 10 (mười) bản phô tô chụp hình ảnh tin nhắn điện thoại do anh Hoàng Hữu Minh cung cấp liên quan việc trao đổi làm giấy tờ đất giữa anh M và Hồ Bảo Q và giao dịch tiền;

- 40 (Bốn mươi) bản phô tô chụp hình ảnh tin nhắn Facebook giữa anh M và Hồ Bảo Q liên quan đến trao đổi làm giấy tờ đất giữa anh M và Hồ Bảo Q;

- Một tập hồ sơ gồm 59 (năm mươi chín) tờ pho to do anh Hoàng Hữu M cung cấp liên quan hồ sơ làm sổ đỏ, trong đó có 01 Giấy tiếp nhận hồ sơ đo đạc do Minh trực tiếp đi nộp.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được đánh số bút lục và lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Hoàng Hữu M yêu cầu Hồ Bảo Q hoàn trả lại số tiền 169.610.000 đồng và bà Lê Thị Ái C yêu cầu Hồ Bảo Q hoàn trả lại số tiền 180.700.000 đồng. Hồ Bảo Q nhờ bố của mình là ông Hồ Văn Đợi bồi thường cho anh M số tiền 30.000.000 đồng và bà Cơ số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại, ngày 07/02/2023, bố bị cáo là ông Hồ Văn Đ đã bồi thường thêm cho anh Hoàng Hữu M số tiền 108.000.000 đồng, bồi thường thêm cho bà Lê Thị Ái C số tiền

110.000.000đồng. Số tiền còn lại bị cáo chưa bồi thường cho anh M là 31.610.000đồng, và số tiền còn lại bị cáo chưa bồi thường cho bà Cơ là 40.700.000đồng. Anh M và bà Cơ yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường và đồng thời cả hai người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 335/CT-VKSTPH ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T truy tố bị cáo Hồ Bảo Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hồ Bảo Q về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

** Về xử lý vật chứng:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiếp tục lưu giữ toàn bộ vật chứng đã thu giữ theo hồ sơ vụ án.

** Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, trả lại cho anh Hoàng Hữu M tổng số tiền 138.000.000đồng, trả lại cho bà Lê Thị Ái C tổng số tiền 140.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo chưa bồi thường cho anh M là 31.610.000đồng, chưa bồi thường cho bà Cơ là 40.700.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh M và bà Cơ số tiền còn lại.

**Về án phí:* Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Bị cáo nói lời nói sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 05 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021, tại địa bàn thành phố H, Hồ Bảo Q tuy không có khả năng làm Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*) nhưng vẫn tự giới thiệu mình trước đây công tác tại Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh T, có nhiều mối quan hệ, nắm rõ các thủ tục hành chính về việc cấp “Sổ hồng”, “Sổ đỏ” nên đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật là sẽ làm được Giấy chứng nhận, để các bị hại là ông Hoàng Hữu M và bà Lê Thị Ái C tin tưởng giao tổng số tiền: **350.310.000 đồng** (*ba trăm năm mươi triệu, ba trăm mười nghìn đồng*) cho Q để nhờ làm Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng sau khi nhận được tiền Q không nộp hồ sơ, không làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh M và bà C mà chiếm đoạt số tiền đã nhận, sử dụng vào việc cá nhân.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng số 335/CT-VKSTPH ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, nhận thức được hành vi bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay để áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Tại thời điểm phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả gần hết số tiền bị cáo chiếm đoạt, bị cáo đã tự thú hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhân thân tốt, có

nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cần cân nhắc xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: Các chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, trả lại cho anh Hoàng Hữu M tổng số tiền 138.000.000đồng, trả lại cho bà Lê Thị Ái C tổng số tiền 140.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo chưa bồi thường cho anh M là 31.610.000đồng và chưa bồi thường cho bà C là 40.700.000đồng. Nên cần buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho bị hại như đã nêu trên.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 3.615.500đồng (72.310.000đồng x 5%) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Tuyên bố: Bị cáo Hồ Bảo Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hồ Bảo Q 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 10/8/2022.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1 Điều 584; 585; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Hồ Bảo Q tiếp tục bồi thường cho anh Hoàng Hữu M số tiền 31.610.000đồng, tiếp tục bồi thường cho bà Lê Thị Ái C số tiền 40.700.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự; Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án toàn bộ tài liệu, chứng liên quan đến vụ án đã bị thu giữ.

3/Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; buộc bị cáo Hồ Bảo Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.615.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Phòng PV06 Công an tỉnh T;
- Công an thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, BH, NCPLVNVLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phương Dung